



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH  
240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814  
Website: [www.binhminhplastic.com.vn](http://www.binhminhplastic.com.vn)



CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC  
Đ1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869

**BẢNG GIÁ ỚNG NHỰA PP-R**  
**ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI**



**Ớng nhựa PP-R theo tiêu chuẩn**  
**DIN 8077:2009-09 & DIN 8078:2008-09**

STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/mét)		STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/mét)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán		Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
1	Ø 20	20 x 1,9mm	10	31.100	33.588	8	Ø 90	90 x 8,2mm	10	476.100	514.188
		20 x 3,4mm	20	39.900	43.092			90 x 15mm	20	812.000	876.960
2	Ø 25	25 x 2,3mm	10	53.300	57.564	9	Ø 110	110 x 10mm	10	761.300	822.204
		25 x 4,2mm	20	70.700	76.356			110 x 18,3mm	20	1.202.200	1.298.376
3	Ø 32	32 x 2,9mm	10	74.900	80.892	10	Ø 125	125 x 11,4mm	10	942.600	1.018.008
		32 x 5,4mm	20	103.400	111.672			125 x 20,8mm	20	1.550.400	1.674.432
4	Ø 40	40 x 3,7mm	10	100.500	108.540	11	Ø 140	140 x 12,7mm	10	1.163.800	1.256.904
		40 x 6,7mm	20	160.200	173.016			140 x 23,3mm	20	1.955.500	2.111.940
5	Ø 50	50 x 4,6mm	10	147.300	159.084	12	Ø 160	160 x 14,6mm	10	1.581.700	1.708.236
		50 x 8,3mm	20	249.000	268.920			160 x 26,6mm	20	2.596.100	2.803.788
6	Ø 63	63 x 5,8mm	10	234.900	253.692	13	Ø 200	200 x 18,2mm	10	2.394.100	2.585.628
		63 x 10,5mm	20	392.900	424.332			-	-		
7	Ø 75	75 x 6,8mm	10	328.000	354.240	-	-				
		75 x 12,5mm	20	557.200	601.776	-	-				

*Đo Y...*

*Handwritten initials/signature*



NHỰA BÌNH MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
Website: www.binhminhplastic.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
Đ1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



Từ năm 1997



BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG ỒNG NHỰA PP-R
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

Table with columns: STT, Sản Phẩm, PN, Đơn giá (đồng/cái), Chứa thuế, Thanh toán. It lists various PP-R fittings like 'Nối trơn (Plain socket)', 'Nối rút (Reducing socket)', 'Co 90 độ', 'Co đôi 90 độ ren trong thau', 'Co 90 độ ren trong thau', 'Co 90 độ ren ngoài thau', and 'Chữ T (Tee)'.

\*Sản phẩm phụ tùng ống nhựa PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất. Nếu Quý khách có nhu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

Phụ tùng ống nhựa PP-R						Phụ tùng ống nhựa PP-R					
STT	Sân Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)		STT	Sân Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán		Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
10	Nối ren ngoài thau (Brass male thread socket)	20 x 1/2"	20	84.800	91.584	19	Chữ T rút (Reducing tee)	25 x 20	20	14.700	15.876
		20 x 3/4"	20	93.600	101.088			32 x 20	20	25.700	27.756
		25 x 1/2"	20	97.900	105.732			32 x 25	20	26.000	28.080
		25 x 3/4"	20	118.200	127.656			40 x 20	20	56.600	61.128
		32 x 3/4"	20	145.600	157.248			40 x 25	20	57.100	61.668
		32 x 1"	20	213.200	230.256			40 x 32	20	57.600	62.208
		40 x 1.1/4"	20	508.200	548.856			50 x 20	20	99.500	107.460
		50 x 1.1/2"	20	635.200	686.016			50 x 25	20	100.400	108.432
		63 x 2"	20	1.076.300	1.162.404			50 x 32	20	101.300	109.404
		75 x 2.1/2"	20	1.649.700	1.781.676			50 x 40	20	102.300	110.484
90 x 3"	20	3.334.600	3.601.368	63 x 20	20			172.600	186.408		
110 x 4"	20	5.610.400	6.059.232	63 x 25	20			174.300	188.244		
11	Nối ren trong thau (Brass female thread socket)	20 x 1/2"	20	67.100	72.468			63 x 32	20	175.800	189.864
		20 x 3/4"	20	81.900	88.452			63 x 40	20	177.500	191.700
		25 x 1/2"	20	82.000	88.560			63 x 50	20	178.600	192.888
		25 x 3/4"	20	91.500	98.820			75 x 25	20	238.600	257.688
		32 x 3/4"	20	118.300	127.764			75 x 32	20	240.800	260.064
		32 x 1"	20	197.600	213.408			75 x 40	20	242.200	261.576
		40 x 1"	20	327.600	353.808			75 x 50	20	246.700	266.436
		40 x 1.1/4"	20	369.700	399.276			75 x 63	20	246.700	266.436
		50 x 1.1/2"	20	490.500	529.740	90 x 40	20	364.500	393.660		
		63 x 2"	20	992.600	1.072.008	90 x 50	20	371.800	401.544		
12	Bộ bích kép: Mặt bích, vai bích kép kèm gioăng (Flange with seal & backing)	32	20	935.900	1.010.772	90 x 63	20	403.700	435.996		
		40	20	1.076.400	1.162.512	90 x 75	20	426.900	461.052		
		50	20	1.121.300	1.211.004	110 x 63	20	627.900	678.132		
		63	20	1.228.900	1.327.212	110 x 75	20	635.400	686.232		
		75	20	1.459.100	1.575.828	110 x 90	20	638.400	689.472		
		90	20	1.804.500	1.948.860	125 x 75	20	1.160.100	1.252.908		
		110	20	2.357.700	2.546.316	125 x 90	20	1.239.600	1.338.768		
		125	20	3.027.400	3.269.592	140 x 63	20	1.638.500	1.769.580		
13	Ống tránh (Bridging piece)	20	20	21.200	22.896	140 x 75	20	1.734.200	1.872.936		
		25	20	39.800	42.984	140 x 90	20	1.888.900	2.040.012		
		32	20	70.600	76.248	140 x 110	20	1.941.300	2.096.604		
		40	20	113.000	122.040	140 x 125	20	2.326.500	2.512.620		
		50	20	209.300	226.044	160 x 90	20	2.197.700	2.373.516		
14	Van xoay (Gate valve)	63	20	434.300	469.044	160 x 110	20	2.333.900	2.520.612		
		20	20	352.800	381.024	160 x 125	20	2.606.900	2.815.452		
		25	20	405.900	438.372	20 x 1/2"	20	92.700	100.116		
		32	20	582.300	628.884	20 x 3/4"	20	110.800	119.664		
		40	20	980.100	1.058.508	25 x 1/2"	20	100.600	108.648		
		50	20	1.528.400	1.650.672	25 x 3/4"	20	121.700	131.436		
		63	20	2.355.100	2.543.508	32 x 1"	20	255.800	276.264		
15	Van gạt (Ball valve)	75	20	6.548.100	7.071.948	50 x 3/4"	20	418.600	452.088		
		90	20	8.910.200	9.623.016	50 x 1"	20	470.600	508.248		
		20	20	329.700	356.076	20 x 1/2"	20	75.300	81.324		
		25	20	405.900	438.372	20 x 3/4"	20	104.000	112.320		
		32	20	574.400	620.352	25 x 1/2"	20	80.500	86.940		
16	Van chặn (Stop valve)	40	20	828.500	894.780	25 x 3/4"	20	117.400	126.792		
		50	20	1.256.200	1.356.696	32 x 1"	20	256.100	276.588		
		63	20	1.958.900	2.115.612	50 x 3/4"	20	494.000	533.520		
17	Nắp khóa ren ngoài (Male thread end cap)	20 x 1/2"	20	18.100	19.548	50 x 1"	20	520.000	561.600		
		25 x 3/4"	20	19.500	21.060	20	20	52.800	57.024		
18	Nắp khóa (End cap)	20	20	4.000	4.320	25	20	82.000	88.560		
		25	20	6.800	7.344	32	20	119.300	128.844		
		32	20	10.300	11.124	40	20	129.200	139.536		
		40	20	13.700	14.796	50	20	196.000	211.680		
		50	20	25.500	27.540	63	20	457.300	493.884		
		63	20	127.100	137.268	Khớp nối sống ren ngoài thau (Brass male thread union)	25 x 3/4"	20	371.800	401.544	
		75	20	217.400	234.792	32 x 1"	20	584.400	631.152		
		90	20	244.500	264.060	50 x 1.1/2"	20	1.530.200	1.652.616		
19	Chữ T ren ngoài thau (Brass male thread tee)	110	20	4.108.000	4.436.640	63 x 2"	20	2.069.900	2.235.492		
		20	20	21.200	22.896	20 x 1/2"	20	223.600	241.488		
		25	20	39.800	42.984	25 x 3/4"	20	358.200	386.856		
		32	20	70.600	76.248	32 x 1"	20	524.900	566.892		
20	Chữ T ren trong thau (Brass female thread tee)	40	20	113.000	122.040	40 x 1.1/4"	20	822.500	888.300		
		50	20	209.300	226.044	50 x 1.1/2"	20	1.432.600	1.547.208		
		63	20	434.300	469.044	63 x 2"	20	1.909.300	2.062.044		
		20	20	352.800	381.024						
		25	20	405.900	438.372						
		32	20	582.300	628.884						
21	Chữ T ren trong thau (Brass female thread tee)	40	20	980.100	1.058.508						
		50	20	1.528.400	1.650.672						
		63	20	2.355.100	2.543.508						
		75	20	6.548.100	7.071.948						
		90	20	8.910.200	9.623.016						
22	Bộ khớp nối sống (Barrel union)	20	20	352.800	381.024						
		25	20	405.900	438.372						
		32	20	582.300	628.884						
		40	20	980.100	1.058.508						
		50	20	1.528.400	1.650.672						
23	Khớp nối sống ren ngoài thau (Brass male thread union)	63	20	1.958.900	2.115.612						
		20	20	4.000	4.320						
		25	20	6.800	7.344						
		32	20	10.300	11.124						
24	Khớp nối sống ren trong thau (Brass female thread union)	40	20	828.500	894.780						
		50	20	1.256.200	1.356.696						
		63	20	1.958.900	2.115.612						
		20	20	352.800	381.024						

\*Sân phẩm phụ tùng ống nhựa PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất. Nếu Quý khách có nhu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.



NHỰA BÌNH MINH

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814

Website: www.binhminhplastic.com.vn

## CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC

Đ1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



Từ năm 1997

**BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA & PHỤ TÙNG PP-R - KHÁNG UV  
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI**

STT/ No.	Sản Phẩm/ Item		ĐVT/ Unit	Đơn giá (đồng) Unit price (VND)	
	Tên / Product Name	PN (bar)		Chưa thuế (ex. VAT)	Có thuế (incl. VAT)
1	<b>ỐNG PPR KHÁNG UV (UV - resistant PPR pipe)</b> (theo tiêu chuẩn/according to DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09)				
1.1	Ống PP-R dn25x4.2 mm - kháng UV UV - resistant PPR pipe dn25x4,2mm PN20 bar	20 bar	Mét	84.900	91.692
2	<b>PHỤ TÙNG PPR KHÁNG UV (UV - resistant PPR fittings)</b> (theo tiêu chuẩn/according to TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013/DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09)				
2.1	Nối PP-R dn25 - kháng UV UV - resistant Plain Socket PP-R dn25	20 bar	Cái/pcs	8.700	9.396
2.2	Co PP-R dn25 - kháng UV UV - resistant 90° Elbow PP-R dn25	20 bar	Cái/pcs	13.000	14.040
2.3	Co 45 PP-R dn25 - kháng UV UV - resistant 45° Elbow PP-R dn25	20 bar	Cái/pcs	13.000	14.040
2.4	T PP-R dn25 - kháng UV UV - resistant Tee (T) PP-R dn25	20 bar	Cái/pcs	17.700	19.116
2.5	Khớp nối sống PP-R dn25 - kháng UV UV - resistant Barrel Union PP-R dn25	20 bar	Bộ/set	98.400	106.272
2.6	Van xoay PP-R dn25 - kháng UV UV - resistant Gate Valve PP-R dn25	20 bar	Cái/pcs	462.500	499.500
2.7	Co ren trong thau PP-R dn25x1/2 - kháng UV UV - resistant female thread Elbow dn25x1/2	20 bar	Cái/pcs	95.200	102.816
2.8	Co ren trong thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV UV - resistant female thread Elbow dn25x3/4	20 bar	Cái/pcs	128.300	138.564
2.9	Co ren ngoài thau PP-R dn25x1/2 - kháng UV UV - resistant male thread Elbow dn25x1/2	20 bar	Cái/pcs	133.500	144.180
2.10	Co ren ngoài thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV UV - resistant male thread Elbow dn25x3/4	20 bar	Cái/pcs	165.900	179.172
2.11	Nối ren ngoài thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV UV - resistant male thread Socket dn25x3/4	20 bar	Cái/pcs	134.100	144.828
2.12	Nối ren trong thau PP-R dn25x1/2 - kháng UV UV - resistant female thread Socket dn25x1/2	20 bar	Cái/pcs	93.200	100.656
2.13	Nối ren trong thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV UV - resistant female thread Socket dn25x3/4	20 bar	Cái/pcs	103.100	111.348
2.14	T ren trong thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV UV - resistant female thread Tee dn25x3/4	20 bar	Cái/pcs	132.100	142.668

**Lưu ý** Ống PP-R kháng UV có màu đen, đường chỉ sọc màu đỏ  
**Note** UV - resistant PPR pipe is black with a red stripe



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH**  
 240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814  
 Website: www.binhminhplastic.com.vn



**CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC**  
 D1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



**BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG PP-R NHẬP KHẨU**  
**ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI**

STT/ No.	Sản Phẩm / Item		Đơn vị tính/ Unit	Đơn giá (đồng)/ Unit price (VND)	
	Tên/ Product Name	PN (bar)		Chưa thuế (ex.VAT)	Có thuế (incl.VAT)
<b>PHỤ TÙNG PP-R NHẬP KHẨU THÁI LAN - NPI/ PP-R FITTINGS FROM THAILAND - NPI</b> (theo tiêu chuẩn DIN 16962, ISO 15874 và tương đương với sản phẩm PP-R của Nhựa Bình Minh đang sản xuất/ <i>according to DIN 16962, ISO 15874 and equivalent to current Binh Minh Plastics PP-R fittings</i> )					
1	Co đôi ren trong thau PP-R dn20x1/2" <i>Female brass thread double Elbow PP-R dn20x1/2"</i>	20 bar	Cái/ Pcs	167.400	180.792
2	Nắp khóa ren ngoài PP-R dn1" <i>Male thread end cap PP-R dn1"</i>	20 bar	Cái/ Pcs	20.900	22.572
3	T rút PP-R dn75x20 <i>Reducing Tee PP-R dn75x20</i>	20 bar	Cái/ Pcs	236.500	255.420
4	T rút PP-R dn110x50 <i>Reducing Tee PP-R dn110x50</i>	20 bar	Cái/ Pcs	620.500	670.140
5	Co ren trong thau PP-R dn32x1/2" <i>Female brass thread elbow PP-R dn32x1/2"</i>	20 bar	Cái/ Pcs	136.600	147.528

**Ghi chú/ Note :**

Phụ tùng PP-R nhập khẩu của Nawaplastic Industries Co., Ltd (NPI) - Thailand  
*PP-R fittings are imported from Nawaplastic Industries Co., Ltd (NPI) - Thailand*